

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HS-ST
Ngày 13-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Bùi Đình Hùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Văn K**, sinh ngày 09 tháng 12 năm 1988 tại Hải Phòng; nơi cư trú: **Thôn Đ, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đỗ Văn K1** và bà **Đông Thị T**; có vợ là **Trần Khánh C** (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 04/9/2020, án phí hình sự sơ thẩm đã nộp ngày 16/8/2019 (đã xóa án tích); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 08/9/2023 đến ngày 14/9/2023 chuyển tạm giam. Có mặt.

2. **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1988 tại Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT: **Xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**; nơi sinh sống: **Thôn D, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Nguyễn Văn M và bà Vũ Thị V; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 08/9/2023 đến ngày 14/9/2023 chuyển tạm giam. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Đồng Văn T2, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Đức S, anh Cao Văn H. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 08/9/2023, tại khu vực đường liên thôn thuộc thôn D, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện T phối hợp với Công an xã H làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T1 và Đỗ Văn K có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Đồng Văn T2, sinh năm 1985, nơi cư trú: thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng và Nguyễn Đức S, sinh năm 1974, nơi cư trú: xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Thu giữ tại lòng bàn tay phải của T2 01 gói giấy bạc chứa chất bột màu trắng (nghĩ là chất ma túy), 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia gắn sim số 0394.292.980 của T2; số tiền 100.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, gắn sim số 0976.837.084 của T1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Kinmi, gắn sim số 0328.394.356 của K.

Khám xét khẩn cấp nơi ở và khu vực có liên quan của Nguyễn Văn T1 tại thôn D, xã H thu giữ: tại nền phòng tắm 01 túi nilon kích thước (4x7)cm bên trong chứa chất bột màu trắng (nghĩ là chất ma túy); tại khe đệm kê sát tường phòng ngủ của Thêm 01 gói giấy bạc màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng (nghĩ là chất ma túy).

Khám xét khẩn cấp nơi ở và khu vực có liên quan của Đỗ Văn K, không thu giữ gì.

Tại bản Kết luận giám định số 721/KL-KTHS ngày 11/9/2023 của Phòng K3 Công an thành phố H kết luận:

- Chất bột màu trắng trong gói giấy bạc thu giữ của T2 là ma túy, có khối lượng 0,03 gam, loại Heroine;
- Chất bột màu trắng trong túi nilon thu tại nền phòng tắm nhà trọ của T1 là ma túy, có khối lượng 0,21 gam, loại Heroine;
- Chất bột màu trắng trong gói giấy bạc thu tại khe đệm sát tường phòng ngủ của T1 là ma túy, có khối lượng 0,19 gam, loại Heroine.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T1 và Đỗ Văn K khai nhận: do nghiện chất ma túy và không có công ăn việc làm ổn định nên K nảy sinh ý định mua ma túy về bán kiếm lời và rủ T1 tham gia cùng. Nếu có người mua ma túy gọi cho ai

thì người đó sẽ chủ động trao đổi, hẹn địa điểm giao dịch rồi sau đó sẽ thông tin lại cho nhau để cùng đi mua ma túy về bán. Sau đó T1 đưa tiền cho K rồi cùng K sang khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng mua ma túy mang về nhà trọ của T1 rồi chia nhỏ ra để bán với giá 300.000đồng/gói. Số tiền T1 bỏ ra để mua ma túy thì T1 sẽ lấy lại, còn tiền lãi K, T1 sẽ mua ma túy về chia nhau sử dụng.

Khoảng 14 giờ ngày 08/9/2023, K và T1 đang ở nhà trọ của T1 thì Thêm thấy điện thoại báo cuộc gọi nhờ nên gọi lại thì có Đồng Văn T2 nghe máy và hỏi mua 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng. T1 đồng ý bán và hẹn T2 đến đầu ngõ nhà trọ của T1 để giao tiền trước cho T1 đi mua ma túy. Khoảng 10 phút sau T1 ra ngõ gặp T2 đi cùng một người (sau này biết tên là Nguyễn Đức S). T2 đưa cho T1 400.000 đồng, hẹn khi nào giao ma túy sẽ trả nốt 100.000 đồng. T1 đồng ý cầm tiền rồi đi mượn điện thoại của anh K2 (là hàng xóm với T1, không rõ nhân thân, lai lịch) đưa cho K để K đăng nhập vào tài khoản M1 (đã liên kết với tài khoản Ngân hàng của K) rút thêm 100.000 đồng để lấy tiền mua ma túy bán cho khách. Trên đường đi rút tiền Khoa gặp và nhờ một người phụ nữ không quen biết chuyển cho 200.000 đồng tiền mặt và K chuyển qua tài khoản M1 cho người này 200.000 đồng. Sau đó, K đưa lại điện thoại và 100.000 đồng cho T1. Thêm trả lại điện thoại cho anh K2 rồi cầm 500.000 đồng sang khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng mua của một nam giới không quen biết 01 gói ma túy Heroine với giá 500.000 đồng mang về phòng trọ chia làm 03 phần gồm: 01 phần gói giấy bạc bán cho T2 và S, 01 phần cho vào túi nilon để ở nền phòng tắm, 01 phần gói giấy bạc để ở kệ đệm trong phòng ngủ mục đích để bán. Sau đó T1 cầm gói ma túy cùng K ra bán cho T2 và S, T2 đưa lại cho T1 100.000đồng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng.

Ngoài ra, cùng phương thức và địa điểm giao dịch như trên, T1 cùng K đã bán trái phép chất ma túy nhiều lần khác, cụ thể:

- Lần thứ nhất: khoảng 13 giờ ngày 06/9/2023, K và T1 bán cho T2 và Cao Văn H, sinh năm 1986, nơi cư trú: xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng 02 gói ma túy với giá 600.000đồng.

- Lần thứ hai: khoảng 09 giờ ngày 07/9/2023, K và T1 bán cho T2 và Nguyễn Đức S 02 gói ma túy với giá 600.000đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Đồng Văn T2, Nguyễn Đức S và Cao Văn H cùng khai nhận như trên. Sau khi góp tiền mua được ma túy, các đối tượng chia nhau và tự sử dụng hết.

Vật chứng: 01 bì giấy có dấu niêm phong số 721MT/PC09 bên trong chứa 0,24 gam chất ma túy Heroine và toàn bộ vỏ bao bì còn lại sau giám định; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia gắn sim số 0394.292.980 của Đồng Văn T2; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, gắn sim số 0976.837.084 của Nguyễn Văn T1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Kinmi gắn sim số 0328.394.356 của

Đỗ Văn K; số tiền 100.000 đồng chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên quản lý.

Tại bản Cáo trạng số 52/CT-VKSTN ngày 31 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố các bị cáo **Đỗ Văn K**, **Nguyễn Văn T1** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo **Đỗ Văn K**, **Nguyễn Văn T1** khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, xác định: Lời khai tại cơ quan điều tra là đúng, các bị cáo tự nguyện khai báo, không bị ép cung, mớm cung. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan, sai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo **Đỗ Văn K**, **Nguyễn Văn T1** như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt:

+ Bị cáo **Đỗ Văn K**: Từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Bị cáo **Nguyễn Văn T1**: Từ. 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo **Đỗ Văn K** và **Nguyễn Văn T1**.

Về thu lợi bất chính và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Buộc các bị cáo **Đỗ Văn K**, **Nguyễn Văn T1** liên đới nộp số tiền 1.600.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước, chia kỷ phần mỗi bị cáo phải nộp 800.000 đồng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia gắn sim số 0394.292.980 của **Đỗ Văn K**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel gắn sim số 0976.837.084 của **Nguyễn Văn T1**.

+ Số tiền 100.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007960 ngày 29/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Trả lại cho bị cáo **Đỗ Văn K** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Kinmi gắn sim số 0328.394.356 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo **Đỗ Văn K**.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì giấy có dấu niêm phong số 721MT/PC09 bên trong chứa 0,24 gam chất ma túy Heroine và vỏ bao bì còn lại sau giám định.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần nói lời sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh:*

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận các bị cáo có hành vi như sau: Do nghiện ma túy, không có việc làm ổn định nên Đỗ Văn K nảy sinh ý định mua ma túy (ở khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng) về chia nhỏ để bán kiếm lời và rủ Nguyễn Văn T1 tham gia cùng, cụ thể: Lần thứ nhất, khoảng 13 giờ ngày 06/9/2023, Đỗ Văn K và Nguyễn Văn T1 bán cho Đồng Văn T2 và Cao Văn H 02 gói ma túy loại Heroin với giá 600.000đồng. Lần thứ hai, khoảng 09 giờ ngày 07/9/2023, Đỗ Văn K và Nguyễn Văn T1 bán cho Đồng Văn T2 và Nguyễn Đức S 02 gói ma túy loại Heroin với giá 600.000đồng. Lần thứ ba, khoảng 14 giờ ngày 08/9/2023, Đỗ Văn K và Nguyễn Văn T1 đã mua 0,43 gam Heroin về chia nhỏ thành 3 phần, trong đó 1 phần bán cho Đồng Văn T2 và Nguyễn Đức S với giá 500.000 đồng thì bị bắt quả tang. Chính vì các bị cáo Đỗ Văn K và Nguyễn Văn T1 có hành vi mua bán trái phép chất ma túy về bán kiếm lời nên có đủ cơ sở có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đỗ Văn K và Nguyễn Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

- *Về tình tiết định khung hình phạt:*

[3] Các bị cáo Đỗ Văn K và Nguyễn Văn T1 có ba lần bán trái phép ma túy, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Mỗi lần bán ma túy các bị cáo Đỗ Văn

K và Nguyễn Văn T1 đều bán cho hai người. Do đó, các bị cáo Đỗ Văn K và Nguyễn Văn T1 bị xét xử theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự: “Phạm tội 02 lần trở lên”, “Đối với 02 người trở lên” như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy. Ma túy là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Các loại tội phạm về ma túy đang có chiều hướng gia tăng, gây lo lắng và bức xúc trong nhân dân. Do vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Về vai trò: Trong vụ án này, bị cáo Đỗ Văn K và bị cáo Nguyễn Văn T1 là đồng phạm nên cần phân hoá vai trò để đánh giá hình phạt, cụ thể: Bị cáo Đỗ Văn K là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Nguyễn Văn T1 mua bán trái phép chất ma túy, thực hành tích cực (liên hệ mua bán ma túy); bị cáo Nguyễn Văn T1 là người có vai trò giúp sức tích cực (cùng Đỗ Văn K trực tiếp đi mua, liên hệ bán ma túy, quản lý tiền sau khi bán ma túy). Do đó vai trò của Đỗ Văn K cao hơn bị cáo Nguyễn Văn T1.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Đỗ Văn K có một tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã được xóa nhưng không coi đó là bài học mà tiếp tục phạm tội thể hiện bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Bị cáo Nguyễn Văn T1 không có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng khi xem xét, quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

- Về hình phạt:

[9] Từ phân tích nêu trên, căn cứ vào vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo và ở mức trên khởi điểm của khung hình phạt, trong đó hình phạt của bị cáo Đỗ Văn K cao hơn bị cáo Nguyễn Văn T1 mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, các bị cáo có thể bị phạt tiền với mức phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 500 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hành vi của các bị cáo là mua bán trái phép chất ma túy nhằm mục đích kiếm lời nên việc áp dụng hình phạt tiền là cần thiết để đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Tuy nhiên, các

bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội và hoàn cảnh của các bị cáo, xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[11] Các bị cáo **Đỗ Văn K** và **Nguyễn Văn T1** bán trái phép chất ma túy cho **Đồng Văn T2**, **Cao Văn H** được 600.000 đồng và cho **Đồng Văn T2**, **Nguyễn Đức S** được 1.100.000 đồng (lần 1 được 600.000 đồng, lần 2 được 500.000 đồng), tổng cộng là 1.700.000 đồng. Đây là số tiền có được từ việc phạm tội nên cần buộc các bị cáo **Đỗ Văn K** và **Nguyễn Văn T1** nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước. Cơ quan Công an đã thu giữ của các bị cáo **Đỗ Văn K** và **Nguyễn Văn T1** số tiền 100.000 đồng nên buộc các bị cáo **Đỗ Văn K** và **Nguyễn Văn T1** còn phải liên đới nộp lại số tiền 1.600.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước, chia kỷ phần mỗi bị cáo phải nộp là 800.000 đồng.

[12] Đối với 03 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia gắn sim số 0394.292.980 của **Đồng Văn T2**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel gắn sim số 0976.837.084 của **Nguyễn Văn T1**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Kinmi gắn sim số 0328.394.356 của **Đỗ Văn K**. Trong đó 02 điện thoại của **Đồng Văn T2** và **Nguyễn Văn T1** đều được sử dụng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Còn một điện thoại di động của **Đỗ Văn K** không sử dụng vào việc phạm tội, là tài sản hợp pháp của **Đỗ Văn K** nên cần trả lại **Đỗ Văn K**, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[12] Ngoài ra, 01 bì giấy có dấu niêm phong số 721MT/PC09 bên trong chứa 0,24 gam chất ma túy Heroine và vỏ bao bì còn lại sau giám định. Xét thấy, ma túy là vật cấm lưu hành, sử dụng trái phép nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Về án phí:

[13] Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Về các nội dung khác:

[14] Đối với **Đồng Văn T2** và **Nguyễn Đức S** có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng lượng ma túy không đủ để xử lý hình sự, nhân thân **T2**, **S** đều chưa có tiền án, tiền sự về tội liên quan tới ma túy; **Cao Văn H** có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với ông **Trần Văn T3** (là anh họ của **T1**) cho **T1** ở nhờ nhà không thu tiền, ông **T3** và gia đình không ở tại ngôi nhà này, không biết **T1** sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý. Trong vụ án này còn có đối tượng bán trái phép chất ma túy cho **Nguyễn Văn T1** và **Đỗ Văn K**, quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có cơ sở xử lý.

[15] Đối với những nội dung trên: Hội đồng xét xử xét thấy việc xử lý như của Cơ quan cảnh sát điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật nên không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên bố: Các bị cáo **Đỗ Văn K**, **Nguyễn Văn T1** đồng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xử phạt:

Bị cáo **Đỗ Văn K**: 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2023.

Bị cáo **Nguyễn Văn T1**: 08 (**T4**) năm 06 (**S1**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2023.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Buộc các bị cáo **Đỗ Văn K**, **Nguyễn Văn T1** liên đới nộp số tiền 1.600.000 (Một triệu sáu trăm nghìn) đồng để sung vào ngân sách nhà nước, chia kỷ phần mỗi bị cáo phải nộp 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia gắn sim số 0394.292.980 của **Đỗ Văn T2**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel gắn sim số 0976.837.084 của **Nguyễn Văn T1**.

+ Số tiền 100.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007960 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Trả lại cho bị cáo **Đỗ Văn K** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Kinmi gắn sim số 0328.394.356 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo **Đỗ Văn K**.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì giấy có dấu niêm phong số 721MT/PC09 bên trong chứa 0,24 gam chất ma túy Heroine và vỏ bao bì còn lại sau giám định.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TAND tối cao;
- Phòng KTNV và THA TAND huyện Thủy Nguyên;
- Trại tạm giam Công an huyện Thủy Nguyên;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp huyện Thủy Nguyên;
- Bị cáo;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện Thủy Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

Phiếu gửi bảo đảm bản án hình sự sơ thẩm số 88 ngày 14/7/2022 (Phùng Hoài Ngọc – TK Hằng)

- TAND cấp cao tại Hà Nội; địa chỉ: Số A, Phạm Văn B, phường Y, Cầu Giấy, Hà Nội ; RG 186 302 241 V
- VKSND cấp cao tại Hà Nội; địa chỉ: Số I, P, phường Y, Cầu Giấy, Hà Nội ; RG 186 302 238 V
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TAND tối cao; địa chỉ: Số D L, B, Hà Nội. RG 186 302 255 V